**MỤC LỤC**

[**1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN. 1**](#_Toc159850999)

[1.1. Thông tin chung về Dự án. 1](#_Toc159851000)

[1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư 2](#_Toc159851001)

[1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch Tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2](#_Toc159851002)

[**2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG. 3**](#_Toc159851003)

[2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM: 3](#_Toc159851004)

[2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án 10](#_Toc159851005)

[2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường 10](#_Toc159851006)

[**3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM 11**](#_Toc159851007)

[3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM 11](#_Toc159851008)

[**4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 11**](#_Toc159851009)

[**5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM 12**](#_Toc159851010)

[5.1. Thông tin về dự án: 12](#_Toc159851011)

[5.1.1. Thông tin chung 12](#_Toc159851012)

[5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất 13](#_Toc159851013)

[5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án 14](#_Toc159851015)

[5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường. 22](#_Toc159851024)

[5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án. 23](#_Toc159851026)

[5.3.1.Giai đoạn thi công xây dựng Dự án 24](#_Toc159851027)

[5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án 25](#_Toc159851028)

[5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án: 26](#_Toc159851030)

[5.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải 26](#_Toc159851031)

[5.4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH 26](#_Toc159851032)

[5.4.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 27](#_Toc159851033)

[5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án: 29](#_Toc159851034)

[**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 31**](#_Toc159851035)

[1. Kết luận. 31](#_Toc159851036)

[2. Kiến nghị. 31](#_Toc159851037)

[3. Cam kết của chủ dự án đầu tư 32](#_Toc159851038)

**DANH MỤC BẢNG**

[Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án 13](#_Toc159851014)

[Bảng 2: Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch 14](#_Toc159851016)

[Bảng 3: Bảng tổng hợp chi tiết lô đất 15](#_Toc159851017)

[Bảng 4: Bảng thống kê hệ thống giao thông 17](#_Toc159851018)

[Bảng 5: Bảng khối lượng thoát nước 18](#_Toc159851019)

[Bảng 6: Bảng thống kê hệ thống thoát nước thải 18](#_Toc159851020)

[Bảng 7: Bảng thống kê hệ thống cấp điện chiếu sáng 19](#_Toc159851021)

[Bảng 8: Bảng thống kê hệ thống cấp nước 20](#_Toc159851022)

[Bảng 9: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án 22](#_Toc159851025)

# 1. XUẤT XỨ CỦA DỰ ÁN.

# 1.1. Thông tin chung về Dự án.

Xã Nam Lợi là một xã nằm ở phía Đông Nam huyện Nam Trực, có tổng diện tích theo ranh giới hành chính là 763,62 ha với dân số 8.076 người. Xã cách thị trấn Nam Giang khoảng 8km; Cách thị trấn Cổ Lễ khoảng 3km theo trục Tỉnh lộ ĐT 487 và tuyến đường liên huyện Hoa Lợi Hải. Các tuyến đường này kết nối xã với các địa phương lân cận, thuận lợi cho sự giao lưu và phát triển kinh tế xã hội của xã. Trong những năm gần đây tình trạng dân số và kinh tế của nhân dân xã Nam Lợi tăng lên rõ rệt. Hiện nay nhân dân phát triển kinh tế không còn theo tập quán cũ mà ngoài việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng cây nông nghiệp, thay đổi cơ cấu cây trồng, nhân dân còn tập trung chăn nuôi với mô hình lớn, mô hình VAC, trang trại,...Khi kinh tế phát triển thì mức sống của nhân dân ngày càng cải thiện, cùng với hệ thống các cơ sở y tế, giáo dục, trường học và các cơ sở sản xuất kinh doanh. Với tốc độ đô thị hóa và sự gia tăng dân số cũng như kinh tế - xã hội phát triển, dân cư sống tập trung, hiện tại nhu cầu về đất làm nhà ở cho nhân dân là rất cần thiết. Tuy nhiên quỹ đất phát triển nhà ở gắn với hạ tầng kĩ thuật đồng bộ chưa đảm bảo được nhu cầu sử dụng.

Để giải quyết vấn đề trên thì việc đầu tư xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Lợi là hết sức cần thiết. Công trình hình thành sẽ đảm bảo phát triển về nhà ở với các kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng văn minh, hiện đại.

Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Lợi, huyện Nam Trực với diện tích khoảng 1,35 ha. Mục tiêu hình thành khu dân cư tập trung văn minh, hiện đại góp phần điều chỉnh dân cư, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân và nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

Tổng diện tích khu đất quy hoạch: 13.497,2m2, quy mô dân số dự kiến khoảng 225 người; Các hạng mục đầu tư San nền toàn bộ diện tích dự án; Hệ thống đường giao thông được thiết kế với cao độ phù hợp với quy hoạch và thực tế khu vực; Khuôn viên cây xanh; Hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống điện,... được thiết kế đồng bộ.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 30, điểm đ khoản 4 Điều 28 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và mục số 6 cột 3 phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường. Dự án có diện tích khoảng 12.000 m2 đất trồng lúa 02 vụ chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định phê duyệt.

# 1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định

# 1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch Tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

 Dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực được thực hiện dựa trên các cơ sở sau:

- Dự án" Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực" là dự án thuộc dự án Hạ tầng đô thị, nông thôn theo Phụ lục XV (danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 – 2030) của Quyết định 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 17/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc chấp thuận danh mục dự án phải thu hồi đất và phê duyệt danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10ha trồng lúa sang mục đích khác năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 1584/QĐ-UBND 27/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 2831/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 09/07/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sự dụng đất huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định;

Như vậy, dự án được thực hiện phù hợp với quy hoạch phát triển của tỉnh Nam Định cũng như của huyện Nam Trực.

# 2. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT CỦA VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

# 2.1. Các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM:

***\* Luật:***

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022;

- Luật tài nguyên nước 2012;

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về Đất đai;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;

- Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Luật Điện lực số 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 01/07/2014;

- Luật phòng chống thiên tai số 33/2013/QH13;

- Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001.

***\* Nghị định:***

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ quy chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình;

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

- Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP;

- Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả;

- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;

- Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 23/10/2015 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

- Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 của Chính phủ: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều;

- Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 Hướng dẫn thi hành một số điều Luật Phòng, chống thiên tai;

- Nghị định số 03/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; thủy lợi; đê điều;

- Nghị định [65/2019/NĐ-CP](https://pcttbinhdinh.gov.vn/laws/detail/Nghi-dinh-sua-doi-bo-sung-mot-so-dieu-cua-Nghi-dinh-so-104-2017-ND-CP-ngay-14-9-2017-cua-Chinh-phu-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-linh-vuc-PCTT-khai-thac-va-bao-ve-cong-trinh-thuy-loi-de-dieu-65/) ngày 18/07/2019 sửa đôi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCTT, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

***\* Thông tư:***

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường;

- Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2016/BXD ngày 26/10/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng;

- Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng;

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Nghị định 44/2016 ngày 15/5/2016 về quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động;

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 16/10/2016 của Bộ xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/ NĐ-CP ngày 24/11/2020 ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy;

- Thông tư [13/2021/TT-BNNPTNT](https://pcttbinhdinh.gov.vn/laws/detail/Thong-tu-Quy-dinh-bao-dam-yeu-cau-PCTT-trong-quan-ly-van-hanh-su-dung-cac-khu-khai-thac-khoang-san-khai-thac-tai-nguyen-thien-nhien-khac-do-thi-du-lich-cong-nghiep-di-tich-lich-su-diem-du-lich-diem-dan-cu-nong-thon-cong-trinh-PCTT-118/) ngày 27/10/2021 Quy định bảo đảm yêu cầu PCTT trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm du lịch; điểm dân cư nông thôn; công trình PCTT.

***\* Quyết định:***

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định trách nhiệm bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Quyết định về việc phê duyệt “Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 15/01/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 11/4/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình xây dựng, vật liệu kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 46/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất;

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024;

- Quyết định số 1970/2020/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 18/2019/QĐ-UBND Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Quyết định 22/2019/QĐ-UBND Nam Định Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

***\* Chỉ thị và Nghị quyết.***

- Văn bản số 254/UBND-VP5 ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng, kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- TCVN 13606:2023/BXD về Cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 2622:1995 – Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 3890:2009 – Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng;

+ TCVN 7957-2008: Thoát nước – mạng lưới và công trình bên ngoài;

+ TCVN 2737-1995: Tải trọng và tác động, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5574-1991: Kết cấu bê tông cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5573-1991: Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 205-1998: Móng cọc, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 5575-1991: Kết cấu thép, tiêu chuẩn thiết kế;

+ TCVN 4474:1987: Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;

 + TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;

 + TCVN 9206:2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng;

+ TCVN 2737:1995 : Tải trọng và tác động – tiêu chuẩn thiết kế;

- QCVN 07-2016/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 41:2016/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ;

- QCVN 10:2014/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng;

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- QCVN 09:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 03:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng đất.

# 2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án

- Thông báo số 265-TB/UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực;

 - Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 26/04/2022 của HĐND tỉnh Nam Định về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực;

- Quyết định số 4128/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Lợi, huyện Nam Trực giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 1949/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Nam Trực về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực.

# 2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Thuyết minh dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực.

- Các giấy tờ pháp lý liên quan đến dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan xã Nam Lợi, huyện Nam Trực.

# 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM

# 3.1. Tóm tắt về việc tổ chức thực hiện và lập ĐTM

- Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là việc phân tích, đánh giá, dự báo các tác động môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (khoản 7 điều 3 của Luật BVMT).

**- Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:**

+ Nghiên cứu dự án: Nghiên cứu dự án khả thi, thuyết minh quy hoạch chi tiết do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát sơ bộ về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội trên địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Giúp chủ dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

**- Nội dung và cấu trúc:**

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

# 4. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

 *- Các phương pháp ĐTM:*

Báo cáo đánh giá tác động môi trường được nghiên cứu, xây dựng dựa trên các cơ sở dữ liệu tin cậy, chi tiết và sử dụng các phương pháp khoa học, phù hợp với thực tiễn, cụ thể như sau:

- Phương pháp sử dụng bản đồ (Áp dụng tại chương I của báo cáo ): Sử dụng các bản đồ để xác định khu vực thực hiện dự án, các đối tượng xung quanh.

- Phương pháp nhận dạng (Áp dụng tại chương II của báo cáo ):

+ Mô tả các thành phần môi trường;

+ Xác định tác động của dự án ảnh hưởng đến môi trường;

+ Nhận dạng đầy đủ các tác động, các vấn đề môi trường liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

- Phương pháp đánh giá nhanh ( Áp dụng tại chương III của báo cáo ): Trong quá trình đánh giá còn sử dụng phương pháp đánh giá nhanh dựa vào số liệu phát thải của các chất khí, bụi, tiếng ồn do tổ chức Y tế Thế giới ( WHO ) đưa ra. Kết quả của phương pháp này có độ tin cậy cao và là cơ sở để đánh giá sơ bộ các nguồn ô nhiễm cũng như các biện pháp giảm thiểu kèm theo.

- Phương pháp lấy mẫu, phân tích hiện trạng môi trường: Phương pháp này nhằm xác định các thông số về hiện trạng chất lượng môi trường đất, nước mặt, không khí xung quanh tại khu vực dự án. Tập hợp các số liệu đã thu thập và lấy mẫu sau đó phân tích trong phòng thí nghiệm. Quá trình đo đạc, lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm luôn tuân thủ các quy định của Việt Nam. Trên cơ sở các kết quả phân tích, dự báo những tác động tiêu cực đến môi trường thông qua việc so sánh với các Quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia hiện hành. Kết quả phân tích hiện trạng môi trường được thể hiện trong chương II của báo cáo và đính kèm tại phụ lục của báo cáo.

- Phương pháp so sánh, đối chứng: Dùng để đánh giá hiện trạng và tác động trên cơ sở so sánh số liệu đo đạc hoặc kết quả tính toán với các giới hạn cho phép trong các QCVN, TCVN còn hiệu lực. Phương pháp này được sử dụng trong chương II, III của báo cáo, trên cơ sở kết quả phân tích, tính toán so sánh với các quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Phương pháp tham vấn cộng đồng: Tiến hành tham vấn, họp với lãnh đạo UBND xã nhằm thu thập thông tin kinh tế xã hội, vệ sinh môi trường khu vực dự án phục vụ cho báo cáo ĐTM tại mục 2.2. điều kiện kinh tế - xã hội tại Chương II và Chương V của báo cáo.

# 5. TÓM TẮT NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO ĐTM

# 5.1. Thông tin về dự án:

# *5.1.1. Thông tin chung*

Tên dự án: Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực

Địa điểm thực hiện dự án: thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực

Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Nam Trực.

Người đại diện: Ông: Lưu Quang Tuyển, Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện.

Đại diện chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực

Người đại diện theo pháp luật của BQL dự án đầu tư xây dựng huyện Nam Trực:

Ông Nguyễn Văn Hà, Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án.

# *5.1.2. Phạm vi, quy mô, công suất*

*\* Phạm vi*:

Dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, diện tích khoảng 13.497,2m2 với các vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp mương, khu dân cư

- Phía Nam giáp đường ruộng lúa

- Phía Đông giáp bờ đất + ruộng lúa.

- Phía Tây giáp đường Hoa Lợi Hải.

***\* Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án:***

- Khu đất quy hoạch có tổng diện tích khoảng 13.497,2 m2, bao gồm đất ruộng, bờ đất giao thông và mương tưới tiêu nước.

# Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất khu vực dự án

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên loại đất** | **Diện tích (m2)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Đất trồng lúa 2 vụ | 12.000 | 88,9 |
| 2 | Đất kênh mương | 470 | 3,5 |
| 3 | Đất giao thông | 1.027,2 | 7,6 |
| **Tổng** | **13.497,2** | **100** |

- Hiện tại hệ thống thoát nước trong khu vực xung quanh hầu hết là hệ thống kênh mương phục vụ cho nông nghiệp. Khu đất có hệ thống kênh tưới tiêu chạy phía Bắc của khu đất nên hệ thống nước thải sau khi được xử lý ở bể xử lý nước thải đổ ra hệ thống kênh phía Bắc khu đất và nước mưa cũng sẽ được đổ ra hệ thống kênh phía Bắc khu đất.

***\* Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường:***

- Dự án giáp Khu dân cư thôn Đô Quan, xã Nam Lợi về phía Bắc; Cách nghĩa trang thôn Đô Quan, xã Nam Lợi về phía Nam; Giáp đường huyện lộ Hoa Lợi Hải về phía Tây dự án.

***\* Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất và công nghệ sản xuất của dự án***

*(1). Mục tiêu của dự án.*

- Hình thành khu dân cư văn minh hiện đại góp phần điều chỉnh dân cư, tạo quỹ đất đáp ứng nhu cầu nhà ở của người dân và nguồn thu cho ngân sách nhà nước để đầu tư các công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

 *(2). Quy mô dự án:*

 Dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực với diện tích khoảng 13.497,2 m2, bao gồm các hạng mục chính:

- San nền;

- Hệ thống đường giao thông được thiết kế với cao độ phù hợp với quy hoạch và thực tế khu vực.

 - Vỉa hè, bó vỉa, đan rãnh, kè đá, khuôn viên cây xanh, hệ thống giao thông, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống cấp điện,... được thiết kế đồng bộ.

 *(3). Loại hình dự án:*

Dự án thuộc nhóm C (thuộc loại hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật).

# *5.1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án*

 ***A. Cơ cấu quy hoạch***

 Toàn bộ Khu dân cư tập trung được phân ra 4 chức năng sử dụng đất, bao gồm: Đất ở chia lô, đất giao thông, đất cây xanh và đất xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

- Đất ở: Được xác định là chức năng chính trong khu dân cư tập, tổng diện tích là 6.331,6 m2.

- Đất cây xanh: Diện tích là 622,8 m2.

- Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật: Diện tích là 6.542,8 m2.

Đường kết nối: Toàn bộ khu dân cư kết nối với đường Hoa Lợi Hải thông qua 2 trục dọc và 2 trục ngang. Trục dọch sát mép đường Hoa Lợi Hải mở rộng và được phân cách bằng giải phân cách cứng.

**a. Quy hoạch sử dụng đất.**

Bảng 2: Tổng hợp sử dụng đất quy hoạch

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại đất** | **Diện tích (**m2**)** | **Tỷ lệ (%)** |
| 1 | Đất ở  | 6.331,6 | 46,91 |
| 2 | Đất cây xanh | 622,8 | 4,62 |
| 3 | Đất giao thông – Hạ tầng kỹ thuật | 6.542,8 | 48,47 |
| **Tổng cộng** | **13.497,2** | **100** |

*( Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực)*

 ***b. Quy hoạch chia lô chi tiết***

Toản bộ khu dân cư tập trung bao gồm 54 lô đất, lô nhỏ nhất có diện tích là 106m2, lô lớn nhất là 188,6 m2.

# Bảng 3: Bảng tổng hợp chi tiết lô đất

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại lô** | **Số lô (lô)** | **Diện tích (m2)** | **Mật độ xây dựng (%)** | **Tầng cao xây dựng** |
| **Tối thiểu** | **Tối đa** |
| 1 | Loại 106m2 | 14 | 1.484 | 90 | 1 | 5 |
| 2 | Loại 107,5m2 | 14 | 1.505 | 90 | 1 | 5 |
| 3 | Loại 110 m2 | 14 | 1.540 | 90 | 1 | 5 |
| 4 | Loại 116,6 m2 | 02 | 233,2 | 90 | 1 | 5 |
| 5 | Loại 118,2m2 | 02 | 236,4 | 90 | 1 | 5 |
| 6 | Loại 121m2 | 02 | 242 | 90 | 1 | 5 |
| 7 | Loại 163,2m2 | 01 | 163,2 | 80 | 1 | 5 |
| 8 | Loại 182,1m2 | 01 | 182,l | 80 | 1 | 5 |
| 9 | Loại 184,1m2 | 01 | 184,1 | 80 | 1 | 5 |
| 10 | Loại 186,5m2 | 02 | 373 | 80 | 1 | 5 |
| 12 | Loại 188,6 m2 | 01 | 188,6 | 75 | 1 | 5 |

*( Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực.)*

 ***B. Giải pháp thiết kế quy hoạch khu dân cư***

 ***a. Mục tiêu***

*-* Tạo dựng hình ảnh về khu dân cư tập trung hiện đại, văn minh biểu trưng cho xã Nam Lợi.

 - Liên kết hài hòa với toàn thể không gian khu vực xung quanh, tạo dựng cảnh quan cho từng ô phố, từng trục đường và tổng thể khu dân cư tập trung.

 ***b. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan***

**-** Xác định công trình phù hợp với chức năng sử dụng đất. Đề xuất mô hình cụt hể và giải pháp đối với các khu vực xây dựng cụ thể.

 - Tở chức không gian khu dân cư tập trung với nguyên tắc hài hòa giữa các khu chức năng và hài hòa với khu vực xung quanh của xã, đồng thời đảm bảo việc kết nối về hạ tầng kỹ thuật (giao thông, thoát nước, cấp nước, phòng cháy, chữa cháy....);

 - Các khu chức năng chính để tổ chức không gian khu dân cư tập trung chủ yếu là đất ở chia lô. Khu chia lô nhà ở được bố trí liên kết với nhau thông qua các trục giao thông dọc ngang hình ô cờ tạo được sự đa dạng về cảnh quan khu dân cư.

 ***c. Các chỉ tiêu, quy định về thiết kế xây dựng, thiết kế đô thị trong khu dân cư tập trung.***

Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD và một số quy định chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chbinhs như sau:

 - Quy định mật độ xây dựng: Mật độ xây dựng thuần tối đa của lô đất xây dựng nhà ở riêng lẻ (nhà biệt thự, nhà ở liền kề, nhà ở độc lập) được thiết kế theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Diện tích lô đất (m2/căn nhà** | **≤ 90** | **100** | **200** | **300** | **500** | **≥ 1000** |
| Mật độ xây dựng tối đa (%) | 100 | 90 | 70 | 60 | 50 | 40 |

 - Quy định tầng cao, chiều cao, cốt xây dựng công trình, ô văng ban công: Được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9411:2012 Nhà ở liền kế - tiêu chuẩn thiết kế; Nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự khi xây dựng cần đảm bảo những nguyên tắc chung sau:

 + Xây dựng tuân theo chỉ giới xây dựng và chỉ giới đường đỏ.

 + Xây dựng đúng mật độ xây dựng được quy định cho từng lô.

 + Cao độ nền nhà + 0,45m so với cao độ hè.

 + Tầng cao tối thiểu là 1 tầng, tối đa là 1 tầng 1 tum.

 + Chiều cao: Chiều cao tối thiểu không nhỏ hơn 3,6m và chiều cao tối đa của nhà không lớn hơn 20m.

 - Quy định màu sắc công trình:

 + Màu sắc công trình được quy định chung cho các dãy phố.

 + Các công trình cùng dãy phố phải sử dụng màu sắc tạo sự phối hợp nhẹ nhàng, hoặc sử dụng vật liệu cùng màu và hài hòa với màu sắc của dãy phố khác.

 - Quy địn về đường phố:

 + Bán kính bó vỉa tại các nút giao cắt đường nội bộ là 8m

 + Cây xanh bóng mát trên vỉa hè dọc các trục đường trồng cách nhau ≥10m.

 + Khu cây xanh công cộng có thiết kế đường dạo bên trong.

 + Vỉa hè trên các tuyến phố được lát gạch block cùng màu.

 ***c. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật***

- Hệ thống giao thông, tuyến trục không gian

 Mạng lưới đường giao thông trong khu dân cư tập trung được thiết kế tổng thể hài hòa với các trục đường song song và vuông góc với nhau, phù hợp với mạng lưới giao thông tại khu vực.

# Bảng 4: Bảng thống kê hệ thống giao thông

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *STT* | *Tên đường* | *Chiều dài (m)* | *Lộ giới (m)* | *Hè + Mặt đường + Hè (m)* |
| *1* | Đường D1+Hoa Lợi Hải mở rộng | 118,39 | 17 | 4 + 7 + 0,5 + 5,5 |
| *2* | Đường D2 | 116,30 | 15,5 | 4 + 7,5 + 4 |
| *3* | Đường N1 | 70,11 | 14,5 | 4 + 7,5 + 3 |
| *4* | Đường N2 | 71,11 | 14,0→14,4 | 2,5 → 3,14 + 7,5 + 4 |

*( Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực.)*

 - Hệ thống thoát nước, san nền:

 + Quy hoạch san nền:

(**+)** Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực quy hoạch với các khu vực xung quanh, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu, thoát nước hiện có của khu vực. Không chênh cao độ quá lớn với khu dân cư, khu công trình cơ quan, công cộng hiện có.

(+) Hướng dốc nền của khu đất quy hoạch là về mương thoát nước với độ dốc là i= 0 ÷ 0.003 đảm bảo thoát nước tự chảy và mối liên hệ hữu cơ giữa nền với các tuyến đường bao quanh khu đất

(+) Cao độ nền được thiết kế trên cơ sở cao độ mực nước tính toán của hệ thống thoát nước toàn khu vực và cao độ nền hiện có của khu vực xung quanh, cao độ hiện trạng khu dân cư hiện có. Chọn cao độ thiết kế san nền như sau:

Cao độ san nền hoàn thiện cao nhất: + 1,34m

Cao độ san nền hoàn thiện thấp nhất: + 1,28m

Cao độ nền trung bình: + 1,31m

(+) Tổng khối lượng đắp nền: 12.075,5 m3.

+ Hệ thống thoát nước mưa

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa dọc trên hè với tiết diện cống là B400, đỉnh cống cách mặt hè trung bình 20cm, đỉnh nắp ga bằng mặt hè, các đoạn qua đường dùng cống chịu lực BCL500, các ga thu nước đặt với khoảng cách trung bình 30m, hướng thoát nước của khu đất quy hoạch thoát ra cống thoát nước phía Nam.

# Bảng 5: Bảng khối lượng thoát nước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vật liệu** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Cống xây thoát nước B400 | m | 318 |
| 2 | Cống BCL500 | m | 140 |
| 3 | Ga thu nước | cái | 21 |
| 4 | Cửa xả  | cái | 02 |

*( Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực)*

+ Hệ thống thoát nước thải:

Xây dựng hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trong khu đất quy hoạch. Cống thoát nước thải phía sau các ô đất là cống xây B300, nước thải được qua bể xử lý nước thải rồi thoát ra kênh.

# Bảng 6: Bảng thống kê hệ thống thoát nước thải

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vật liệu** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Cống xây B300  | m | 275 |
| 2 | Cống BCL400 | m | 14 |
| 3 | Ga nước thải | cái | 12 |
| 4 | Bể xử lý nước thải  | cái | 01 |
| 5 | Cửa xả  | cái | 01 |

*( Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực)*

+ Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng

- Di chuyển đường điện 22kV đang chạy dọc phía Tây khu đất (nằm trên phần đường Hoa Lợi Hải mở rộng). Vì vậy di chuyển đường dây này vào phần vỉa hè đường D1. Tuyến sử dụng cột LT12m; dây dẫn 50/8mm2; Cách điện Polymer 24kV.

- Dự kiến đấu nối từ tuyến đường dây trung thế 22kV di chuyển mới. Từ cột điểm đấu điện 22kV đến TBA xây dựng mới tuyến ĐZK 22kV đi trên lề tuyến đường N2. Tuyến sử dụng cột LT12m; dây dẫn 50/8mm2; Cách điện Polymer 24kV.

(+) Hệ thống cấp điện sinh hoạt:

Để cấp điện phục vụ sinh hoạt cho Khu dân cư tập trung thôn Đo Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực cần xây dựng mới hệ thống cấp điện sinh hoạt 0,4Kv đấu điện từ sau trạm biến áp: 250Kva-22/0,4KV.

Cột điện: Các vị trí cột đầu cuối tuyến, cột góc, cột chịu lực dùng cột bê tông ly tâm LT10-11,0Kn (cột cao 10m: F = 1.100kgf; Dn = 190). Các vị trí đỡ trung gian dùng cột bê tông ly tâm LT10-5,0Kn (cột cao 10m, F = 500kgf; Dn = 190) toàn bộ cột điện được sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Móng cột: Sử dụng móng MT10-5,0, MT10-11,0. Móng đúc sẵn tại chỗ gồm bê tông lót đáy móng mác 100, bê tông đúc móng mác 150, mi măng PC – 30, cát vàng, đá 2x4, đáy móng có tấm đan thép Φ10 lót móng.

Phụ kiện cáp vặn xoắn: Sử dụng phụ kiện chuyên dùng cho tuyến dây VCX. Các bộ kẹp đỡ, kẹp xiết VCX cùng với bộ đai thép và khóa đai bằng thép không rỉ. Đấu nối các nhánh rẽ, nối VCX với nhau sử dụng ghíp chuyên dụng GN1 và GN2.

(+) Hệ thống cấp điện chiếu sáng:

Nguồn điện chiếu sáng lấy từ tủ điện hạ áp của hệ thống điện sinh hoạt (tại trạm biến áp).

Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng dọc theo các tuyến đường bằng các cần thép mạ kẽm chụp đầu cột BTLT, cáp điện dùng cho hệ thống chiếu sáng là cáp Al/XLPE(4x25)mm2 đi nổi trên các cột điện bê tông ly tâm, đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng trên cột điện trạm biến áp

# Bảng 7: Bảng thống kê hệ thống cấp điện chiếu sáng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vật liệu** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Tủ điều khiển chiếu sáng | tủ | 01 |
| 2 | Đèn cao áp | bộ | 16 |
| 3 | Cột điện BTLT 10 | cột | 20 |
| 4 | Cột điện BTLT 12 | cột | 4 |
| 5 | Cần thép mạ kẽm chụp đầu cột | bộ | 16 |

*( Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực)*

+ Hệ thống cấp nước sinh hoạt.

Nguồn nước sạch cấp cho khu đất quy hoạch lấy từ nguồn nước hiện có của xã đang sử dụng.

Xây dựng hệ thống cấp nước sạch dọc trên hè phía đường ngoài đường bằng các đường ống D90 để kết hợp hệ thống PCCC còn các trục đường bên trong hệ thống cấp nước sạch dọc trên hè các trục đường bằng các đường ống D50. Độ sâu đặt ống trung bình 0,3m (tính đến đỉnh ống). Tại các góc chuyển và trị trí van, tê, cút có bố trí gối đỡ BTCT. Ống cấp nước qua đường được luồn qua ống thép chịu lực D125 và D90.

Tại các nút của mạng lưới bố trí van khoá để có thể sửa chữa từng đoạn ống khi cần thiết. Các tuyến ống cấp nước được bố trí trên mặt bằng phù hợp với quy định so với các tuyến kỹ thuật ngầm khác.

# Bảng 8: Bảng thống kê hệ thống cấp nước

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Vật liệu** | **Đơn vị** | **Khối lượng** |
| 1 | Ống cấp nước HDPE D90 | m | 80 |
| 2 | Ống cấp nước HDPE D50 | m | 294 |
| 3 | Ống thép D110 PCCC | m | 17 |
| 4 | Ống thép bảo vệ D125 | m | 20,5 |
| 5 | Van chặn D90 | cái | 01 |
| 6 | Van chặn D50 | m | 03 |
| 7 | Tê HDPE – D90 | cái | 02 |
| 8 | Đai khởi thủy D110 | cái | 01 |
| 9 | Côn thu nhựa HDPE D90-50 | cái | 03 |
| 10 | Cút D90 | cái | 01 |
| 11 | Nút bịt D50 | cái | 03 |
| 12 | Trụ cứu hỏa | cái | 02 |

*( Nguồn: Quyết định v/v phê duyệt quy hoạch chi chiết tỷ lệ 1/500 xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực)*

 ***C. Lán trại công nhân***

Bố trí 01 lán trại có diện tích 100m2 cho công nhân ở tại công trường thi công dự án. Đây là hạng mục chiếm dụng tạm thời và sẽ được tháo dỡ sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng.

 ***D. Vị trí đổ thải***

Theo khoản 1, điều 14, Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng và canh tác thì đất thải từ bóc tách tầng đất mặt phải sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Do đó tầng đất mặt bóc tách sẽ được sử dụng để san lấp khu đất cây xanh trong khuôn viên dự án. Phần dư còn lại chủ dự án sẽ làm việc với UBND Nam Lợi thống nhất vận chuyển đến khu vực để sử dụng cho mục đích sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo đúng quy định.

 ***E. Khu vực tập kết chất thải rắn:***

- Tuyên truyền vận động các hộ trong khu dân cư phân loại rác thải tại nguồn.

- Chất thải rắn sinh hoạt trong khu dân cư tập trung được thu gom bởi đơn vị chức năng. Chất thải cần được phân loại tại nguồn thành 3 loại: Chất thải thực phẩm, chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế và CTR sinh hoạt khác. Chất thải rắn sinh hoạt được tổ thu gom tận nơi với tần suất 3 lần/tuần, sau đó vận chuyển đến bãi tập kết và xử lý rác thải

***B. Các hoạt động của dự án:***

- Giai đoạn thi công xây dựng:

 + Bóc tách tầng đất mặt

 + San lấp mặt bằng

+ Tiến hành thi công hạ tầng kỹ thuật: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống bể xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng,..

- Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

+ Sau khi giai đoạn thi công xây dựng cơ sở hạ tầng xong chủ dự án sẽ tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.

+ Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND xã Nam Lợi quản lý về địa giới hành chính và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,… các công việc này được thực hiện theo quy định chung của pháp luật.

### ***\* Các yếu tố nhạy cảm về môi trường***

Theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường dự án “Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực’’ yếu tố nhạy cảm là có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích khoảng 12.303 m2.

# 5.2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động đến môi trường.

Bảng 9: Hạng mục công trình và hoạt động của dự án

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các giai đoạn hoạt động** | **Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án** | **Cách thức thực hiện** | **Các tác động xấu đến môi trường** |
| Giai đoạn chuẩn bị | - Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, hồ sơ liên quan đến dự án. Thiết kế, thẩm định, phê duyệt dự án.- Công tác giải phóng mặt bằng chi trả tiền đền bù. Hoàn thiện thủ tục xin giao đất. | - Lập dự án đầu tư.- Lập và trình phê duyệt thuyết minh dự án.- Lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM.- Hoàn thiện thủ tục giấy tờ, tổ chức họp dân chi trả tiền đền bù. | Không làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực. |
| Giai đoạn xây dựng | - Hoạt động bóc tách tầng đất mặt.- San lấp mặt bằng.- Vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị.- Xây dựng các hạng mục công trình: Thi công hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, thoát nước mưa, hệ thống xử lý tập trung, thoát nước thải sinh hoạt, cấp điện, lát hè, cây xanh, trạm điện, cấp điện lưới trong khu đất, điện chiếu sáng vv,… | * Bóc tách tầng đất mặt.

- Bơm, đổ cát vào khu vực dự án.- Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.- Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động. | - Bụi, khí thải.- Nước thải sinh hoạt.- Chất thải rắn.- CTNH.- Tiếng ồn.- Các vấn đề xã hội khác. |
| Giai đoạn dự án đi vào khai thác sử dụng | - Chủ dự án tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất cho người dân trúng giá vào xây dựng nhà và sinh sống trong khu dân cư.- Chủ dự án sẽ tiến hành bàn giao cho UBND xã Nam Lợi quản lý và các vấn đề về môi trường, triển khai thu các phí dịch vụ để vận hành khu dân cư như phí vệ sinh, môi trường,… các công việc này được thực hiện theo quy định chung của Nhà nước. | - Sử dụng các máy móc thi công, phương tiện vận chuyển.- Hoạt động sinh hoạt của công nhân lao động.- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu dân cư. | - Chất thải rắn và CTNH.- Bụi, khí thải.- Nước thải.- Tiếng ồn. |

**5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án.**

# *5.3.1.Giai đoạn thi công xây dựng Dự án*

 *\* Bụi và khí thải:*

- Bụi: Phát sinh trong các công đoạn như bóc tách tầng đất mặt, nạo vét kênh mương, san lấp mặt bằng, hoạt động bốc dỡ, đảo trộn, vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động của các phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: Bụi đất, bụi đá, bụi cát,…

- Khí thải:

+ Khí thải phát sinh từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển với thành phần ô nhiễm: khí SO2, COx, NOx, Hydrocacbon...

+ Khí thải phát sinh do quá trình rải và phun nhựa đường với thành phần ô nhiễm chủ yếu là: Hơi dầu, hắc ín, CO, H2S...

+ Khí thải phát sinh do quá trình sơn kẻ nhiệt đường với thành phần ô nhiễm chủ yếu là kim loại nặng, hidrocacbon, COx, Nox, Sox,...

+ Khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH4, NH3, H2S,...

*\* Nước thải:*

- Nước thải từ hoạt động xây dựng: Phát sinh chủ yếu là nước thải từ công đoạn rửa cát, đá xây dựng, bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị tham gia thi công,... Thành phần ô nhiễm chính trong nước thải xây dựng là đất, cát xây dựng, dầu mỡ. Lượng phát sinh khoảng 3 m3/ngày.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 20 người, lưu lượng nước thải sinh hoạt tính theo cơ sở định mức nước cấp cho sinh hoạt và số lượng công nhân, lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân lao động khoảng 60l/người nên lượng nước thải phát sinh của công nhân là: 20x60l/ngày= 1,2m3/ngày ( Theo TCXDVN 33:2006 ). Thành phần ô nhiễm chính là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), các chất hữu cơ (BOD5, COD), các chất dinh dưỡng (NO3-­­, PO43-) và các vi sinh vật gây bệnh.

*\* Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- Chất thải rắn sinh hoạt của khoảng 20 công nhân tham gia thi công chủ yếu là giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...0.4x20=8kg/ngày (Theo giáo trình ’Quản lý chất thải rắn’-NXB Xây Dựng-GS-TS Trần Hiếu Nhuệ)

- Chất thải rắn xây dựng thông thường. Thành phần gồm: Đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ cốt pha,...

- Khối lượng bùn từ quá trình nạo vét kênh mương khoảng 235 m3.

- Chất thải nguy hại: Dầu mỡ rơi vãi, các giẻ lau dính dầu mỡ, lượng dầu mỡ thải từ các thiết bị, máy móc tham gia thi công, sơn thải, que hàn thải,...

\* Khối lượng đất lúa bề mặt được bóc tách khoảng 2.275,4 m3

*\* Tiếng ồn, độ rung:*

- Tiếng ồn chủ yếu từ các phương tiện GTVT, máy bơm nước, máy nổ,...

- Độ rung từ máy đóng cọc, máy cắt kim loại,...quá trình trộn bê tông.

Tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

*\* Các tác động khác:*

Các tác động do các rủi ro, sự cố như: Tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, sự cố dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, thiên tai.

# *5.3.2. Giai đoạn vận hành Dự án*

*\* Bụi và khí thải:*

- Từ hoạt động nấu ăn: Khi đốt cháy khí gas sản sinh ra NOx, SO2, CO có nồng độ thấp.

- Từ các hoạt động giao thông vận tải: Khí thải phát sinh có thành phần chính bao gồm: NOx, SO2, COx, hyđrocacbon,…

- Từ khu lưu giữ chất thải, khu xử lý nước thải tập trung: Thành phần hơi mùi, khí thải gồm CH4, NH3, H2S,...phát sinh từ sự phân huỷ các chất hữu cơ trong chất thải, nước thải.

*\* Nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cư dân khu dân cư: 100l/người/ngày x 225 người x 100%=22,5m3/ngày đêm. Thành phần chứa các chất ô nhiễm chủ yếu ở dạng hữu cơ như: COD, BOD5, Nitơ, phốt pho, hàm lượng cặn lơ lửng (SS) cao và một số loại vi sinh vật.

*\* Chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

 - Chất thải rắn sinh hoạt của cư dân khu dân cư khoảng: 225 người x 0,8 kg= 180kg/ngày. Rác thải công cộng khoảng 18 kg/ngày. Thành phần gồm rác thải hữu cơ và vô cơ.

- Chất thải thông thường: Phát sinh bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải tập trung với khối lượng 0.6kg/ngày – 219 kg/năm.

 - Chất thải nguy hại khoảng 0,18 kg/ngày. Thành phần CTNH chủ yếu gồm: pin thải, bóng đèn huỳnh quang thải, đồ điện tử hỏng,...

 *\* Tiếng ồn, độ rung:*

Nguồn gây tiếng ồn và độ rung chủ yếu từ hoạt động của người dân trong khu dân cư phát sinh từ các phương tiện giao thông lưu hành trong khu vực và các vùng lân cận

*\* Các tác động khác:*

## Các tác động do các rủi ro, sự cố như cháy nổ, công trình xuống cấp, thiên tai, sự cố.

# 5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

# 5*.4.1. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải*

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải trong khu đất. Cống thoát nước thải nằm phía sau các ô đất là cống xây B300, các đoạn cống qua đường dùng cống tròn BCL400. Nước thải được thu gom, dẫn thoát về các bể xử lý nước thải được bố trí kết hợp trong các khu, dải cây xanh tập trung. Sau khi qua bể xử lý đạt tiêu chuẩn đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý, nước được dẫn thoát trực tiếp ra môi trường

# *5.4.2. Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn, CTNH*

* Đối với chất thải rắn thông thường: UBND xã Nam Lợi thống nhất nội quy quản lý rác thải với toàn bộ các hộ dân trong khu, chịu trách nhiệm xử lý rác thải công cộng phát sinh tại khu vực cây xanh, đường nội bộ và bể xử lý nước thải tập trung.

- Rác thải sinh hoạt của từng hộ dân định sẽ được đội thu gom rác của địa phương thu gom, vận chuyển rác về khu xử lý rác thải của xã để xử lý.

* Đối với bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt tập trung: được lưu giữ trong các ngăn xử lý và định kỳ thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.
* Thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt theo quy định tại 75, Luật BVMT năm 2020, trước khi vận chuyển đến địa điểm xử lý theo quy định.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý chất thải nguy hại: UBND xã Nam Lợi sẽ đưa ra các biện pháp tuyên truyền, khuyến khích người dân phân loại rác tại nguồn (để thu gom riêng). Trong trường hợp chất thải nguy hại lẫn với chất thải rắn thông thường, thì đội thu gom rác của xã sẽ tiến hành phân loại, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định về quản lý CTNH.

# *5.4.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác*

 **Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

* *Sự cố cháy nổ, chập điện*

- Trong các khu nhà, cháy nổ có thể do mạng lưới cung cấp và truyền dẫn điện, do bất cẩn, do rò rỉ khí gas. Để đảm bảo an toàn các khu nhà sẽ có hệ thống PCCC riêng, khu nhà ở sẽ bố trí các họng cứu hoả D100mm tại 2 góc chuyển (góc giao giữa đường D1và N1, D1 và N2) tạo điều kiện thuận lợi cho xe cứu hỏa lấy nước khi cần thiết, các họng cứu hỏa được đấu nối với đường ống cấp nước. Lưu lượng nước cứu hỏa tính toán là 10l/s, tính cho số đám cháy đồng thời xảy ra trong khu dân cư này bằng 1, áp lực tự do nhỏ nhất trên mạng khi cứu hỏa không dưới 10m. Hệ thống cấp nước cứu hỏa cho dự án áp dụng kiểu hệ thống chữa cháy áp lực thấp. Khi có chảy xảy ra, xe cứu hỏa của đội phòng cháy chữa cháy lấy nước nước từ trụ cứu hỏa và sông Rõng phía Tây dự án. Khoảng cách giữa các họng cứu hoả ≤ 150 m theo yêu cầu tiêu chuẩn.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy được bố trí phù hợp trong khu dân cư tập trung. Quy mô và thiết bị được bố trí đáp ứng các quy định của Nhà nước về an toàn phòng cháy và được cơ quan chức năng kiểm tra, chấp thuận.

- Mặt bằng được bố trí bảo đảm các tiêu chuẩn phòng chống cháy. Tổ chức hệ thống giao thông nội bộ hợp lý tuân theo các quy định, đảm bảo thoát người và tài sản ra khỏi khu vực nhanh chóng.

- Các trụ và họng cứu hỏa lấy nước từ hệ thống cấp nước sinh hoạt, vị trí được bố trí đều và thuận tiện về mặt giao thông với khoảng cách từ 150 đến 180m. Mạng lưới cấp nước có áp lực cao, đủ lưu lượng và có một số bể nước dự phòng.

- Tuyên truyền cho các hộ gia đình chỉ sử dụng các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt khi đã được kiểm định như máy nén khí, bình chứa gas, thang máy.

- Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, kiểm tra sự an toàn về điện như: Khả năng rò rỉ, chập mạch, điện áp không ổn định, đặc biệt là các đường điện đi trong ống nhựa PVC, các thiết bị máy móc đều được tiếp địa thật an toàn.

- Khi phát hiện rò, rỉ khí gas cần thực hiện những biện pháp xử lý sau: Tuyệt đối không làm phát sinh tia lửa như: Bật/tắt công tắc điện, quạt điện, sử dụng điện thoại di động. Ngay lập tức khóa van cấp gas; Mở thông thoáng các cửa, dùng quạt thủ công để làm phát tán khí gas. Nếu thấy chỗ rò, rỉ thì dùng vải ướt quấn quanh chỗ rò, rỉ hoặc dùng xà phòng bánh để bịt lỗ rò, rỉ tạm thời; Nếu xảy ra sự cố khi đang sử dụng phải dùng chăn ướt phủ lên bếp hoặc bình cho tắt lửa hoặc dùng bình chữa cháy phun dập tắt đám cháy; Báo ngay cho nhà cung cấp đến xử lý.

- Hàng năm tổ chức tập huấn và diễn tập phương án PCCC trong khu dân cư.

* Sự cố tai nạn giao thông:

- Quy định tốc độ xe ra vào khu dân cư.

- Tuyên truyền vận động người dân khi tham gia giao thông thực hiện nghiêm chỉnh và tuân thủ đúng luật lệ an toàn giao thông đường bộ.

* Sự cố thiên tai:

- Để hạn chế thiệt hại do bão lũ có thể gây ra, UBND xã Nam Lợi sẽ phối hợp với tổ trưởng của các khu dân cư (do dân bầu) lên kế hoạch phòng chống như sau:

+ Kiểm tra bảo đảm an toàn các đường dây tải điện.

+ Kiểm tra hệ thống cơ sở hạ tầng: hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc, các hạng mục công trình; khơi thông cống rãnh….

+ Định kỳ nạo vét bùn cặn, rác thải trong hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước được khơi thông không bị ách tắc trước mỗi mùa mưa bão.

+ Nếu phát hiện hiện tượng bất thường xảy ra nhanh chóng báo với chính quyền địa phương để có phương án giải quyết kịp thời.

- Biện pháp phòng, chống sét:

+ Xây dựng hệ thống chống sét cho hệ thống cột điện trong khu dân cư, các trạm biến áp.

+ Yêu cầu các hộ gia đình, hộ kinh doanh đến sinh sống và làm việc trong khu dân cư phải xây dựng hệ thống chống sét.

* Sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Quá trình xây dựng, lắp đặt thiết bị của hệ thống bể xử lý nước thải phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của thiết kế.

- Vận hành thường xuyên hệ thống bể xử lý nước thải đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định nhất.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của hệ thống để phát hiện và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra.

- Hóa chất sử dụng đúng tỷ lệ quy định.

- Hệ thống bể xử lý nước thải phải thường xuyên được duy tu, kịp thời phát hiện những chỗ rò rỉ, hư hại để xử lý kịp thời tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường.

- Khi hệ thống bể xử lý nước thải gặp sự cố như nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, UBND xã sẽ cử cán bộ tiến hành kiểm tra hệ thống bể xử lý nước thải, tìm nguyên nhân có biện pháp khắc phục kịp thời. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) thoát theo tuyến cống BCL400, cuối cùng chảy ra Kênh Rõng phía Tây dự án.

* Sự cố ngập úng:

- Trường hợp mưa lớn kéo dài dẫn đến hệ thống thoát nước mưa trong khu dân cư không tiêu thoát kịp gây ứ đọng, ngập úng cục bộ. Căn cứ vào tình hình thực tế UBND xã sẽ có những biện pháp cụ thể như sau:

+ Khi có dự báo mưa to đến mưa rất to Ban phòng chống lụt, bão của UBND xã sẽ phối phối hợp với người dân trong khu dân cư xác định các khu vực sẽ bị ảnh hưởng ngập để thông tin cảnh báo đến người dân biết nhằm chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống.

+ Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công trình cho người dân.

+ Bố trí máy bơm nước để hỗ trợ việc tiêu thoát nước cho khu vực bị ngập úng ngay khi hết mưa.

+ Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

+ Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

# 5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

*a. Giai đoạn xây dựng*

*\* Không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần khu dân cư tại khu vực xây dựng dự án.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, SO2, NO2.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần (Trong quá trình xây dựng ).

- Thiết bị thu mẫu và phương pháp phân tích: Theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

*b. Giai đoạn vận hành*

*\* Giám sát nước thải:*

- Vị trí quan trắc, giám sát: 01 mẫu lấy tại vị trí xử lý cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống bể xử lý (25m3/ngày đêm), pH, BOD5, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni (tính theo N), nitrat, phốt phat (tính theo P), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

- Tần suất, quan trắc giám sát: 1 lần/năm.

 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng K = 1 do khu dân cư có 54 hộ >50 hộ).

Khi có sự thay đổi về các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng thực hiện theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

 *\* Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí giám sát: Khu vực thu gom, tập kết tạm thời CTR.

 - Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần CTR, biện pháp phân loại, thu gom CTR,...

 - Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật BVMT 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT**

# 1. Kết luận.

Việc đầu tư xây dựng dự án Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực phù hợp với chiến lược phát triển của địa phương. Bên cạnh đó dự án cũng mang lại hiệu quả xã hội to lớn cho tỉnh Nam Định.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án có các tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống, sức khoẻ của cộng đồng dân cư xung quanh. Để đảm bảo hoạt động của dự án không gây ô nhiễm môi trường, chủ đầu tư cam kết sẽ thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư Xây dựng Khu dân cư tập trung thôn Đô Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Trong nội dung báo cáo đã thể hiện đầy đủ môi trường nền khu vực thực hiện dự án, đánh giá được những tác động môi trường khi dự án được triển khai từ đó đưa ra các biện pháp xử lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường đảm bảo theo các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành tương ứng. Các phương pháp đề xuất giảm thiểu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường có tính khả thi cần phải được áp dụng, cũng là cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc giữ gìn môi trường trong sạch.

Những biện pháp xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn,...đề cập trong báo cáo hiện nay đang được sử dụng rộng rãi, hiệu quả cao và chi phí xây dựng, lắp đặt vận hành phù hợp, những biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường áp dụng thể hiện trong báo cáo đảm bảo đạt được hiệu quả cao nhất khi dự án được triển khai.

# 2. Kiến nghị.

Kính đề nghị các cơ quan có thẩm quyền sớm xem xét, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường để Dự án được triển khai xây dựng và đưa vào khai thác theo đúng tiến độ.

Chủ dự án đề nghị UBND tỉnh Nam Định, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ để dự án được thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

# 3. Cam kết của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Đảm bảo các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là chính xác, đúng sự thật

- Tôn trọng các giá trị của các cộng đồng địa phương và liên tục tiến hành trao đổi, tham khảo ý kiến của người dân địa phương trong các công việc có ảnh hưởng đến hệ sinh thái và môi trường trong khu vực thực hiện dự án.

 - Xây dựng, duy trì và kiểm tra các giải pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Cam kết thực hiện các biện pháp hiệu quả, khả thi để đảm bảo chất lượng môi trường và giảm thiểu tối đa các tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

 - Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Cam kết thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình xây dựng.

 - Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác nêu trong bản báo cáo đánh giá tác động môi trường. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, Quy chuẩn tương đương khi có thay đổi